

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 27/4/2020
V/v chia tài sản chung sau ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng
Bà Vũ Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc chia tài sản chung sau ly hôn.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 76/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thửa X NHC, Phường M, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Trường trung học cơ sở Q, số M đường NC, Phường Z, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Cao Xuân H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thửa X NHC, Phường M, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ liên hệ: Ngân hàng E, số H đường NVT, Phường K, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng A, địa chỉ: Số H LH, phường TC, quận BD, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu L – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A chi nhánh ĐL, Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Cao L, sinh năm 1977 – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng A PCT.

4. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt theo Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10/12/2019.

(Bà N, ông L có mặt tại phiên tòa. Ông H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: Bà và ông Cao Xuân H được Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt cho ly hôn vào năm 2017. Trong quá trình ly hôn, về tài sản chung bà và ông H thỏa thuận tài sản chung là quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất tại thửa X NHC, Phường M, thành phố ĐL để lại cho con và bà. Nhưng sau khi ly hôn, ông H thường xuyên về nhà đánh đập chửi bới mẹ con bà. Mẹ con bà đã không sống được yên ổn. Vì vậy bà yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản giữa bà và ông H là quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất tại thửa X NHC, Phường M, thành phố ĐL.

Về nợ chung: Bà và ông H còn nợ Ngân hàng khoảng 500.000.000 đồng, bà đồng ý trả nợ cho ông H.

2. Theo bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn ông Cao Xuân H trình bày: Khi ông và bà N ly hôn về tài sản chung giữa vợ chồng ông và bà N có 01 căn nhà nằm trên thửa X NHC, Phường M, thành phố ĐL. Nguồn gốc nhà và đất do ông và bà N mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha mẹ ông là Cao Văn T và bà Nguyễn Thị T, trú tại: PT, LN, LH, Lâm Đồng vay 500.000.000 đồng của Ngân hàng A Việt Nam – Chi nhánh PCT, thành phố ĐL để mua đất, sau khi mua đất xong thì làm nhà. Đến nay còn nợ Ngân hàng gốc là 500.000.000 đồng, lãi quá hạn 5 năm nay chưa trả khoảng 1 tỷ. Nay bà N yêu cầu chia tài sản chung thì ông cũng đồng ý chia, nhưng ông yêu cầu bà N cùng có trách nhiệm trả nợ.

3. Đại diện theo ủy quyền của người có quyền và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A Việt Nam – Phòng giao dịch PCT thì: Ngân hàng và Doanh nghiệp tư nhân ĐHH ký hợp đồng tín dụng số 201100802/HSTD với nội dung DNTN ĐHH vay 500.000.000 đồng, mục đích vay để làm trang trí nội thất, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 06/4/2011, lãi suất vay cố định được áp dụng theo từng lần nhận nợ (tại thời điểm ký kết hợp đồng là 19%/năm). Để đảm bảo cho khoản vay ông Cao Xuân H và bà Nguyễn Thị Kim N thế chấp tài sản tại thôn PT, xã LN, huyện LH, tỉnh Lâm Đồng với diện tích 2.217m² (trong đó 400m² đất ở nông thôn và 1.817m² đất trồng cây lâu năm) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK73I349. Trong quá trình thực hiện hợp đồng DNTN ĐHH đã vi phạm hợp đồng để lãi quá hạn nên Ngân hàng đã phát mãi tài sản thế chấp thu hồi vốn vào ngày 24/02/2017. Tuy nhiên, số tiền phát mãi tài sản không đủ thanh toán cho Ngân hàng mà DNTN ĐHH còn nợ lại là 437.641.042 đồng (trong đó nợ gốc là 1.000.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 436.641.042 đồng). Người đứng ra vay vốn là ông Cao Xuân H – Chủ DNTN ĐHH. Nay ông H và bà N chia tài sản chung, Ngân hàng yêu cầu ông Cao Xuân H Chủ Doanh nghiệp tư nhân ĐHH

phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền 437.641.042 đồng (*trong đó tiền gốc là 1.000.000 đồng và tiền lãi là 436.641.042 đồng*).

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 76/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N về tranh chấp “*chia tài sản chung*” với ông Cao Xuân H.

Giao cho ông Cao Xuân H được quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số BB713025 do UBND thành phố Đà Lạt cấp ngày 04/8/2010 và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất là căn nhà theo kết quả kiểm tra hiện trạng căn nhà có diện tích 83,13m² (*kèm theo họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Lạt thực hiện ngày 08/02/2018*).

Ông Cao Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 2.629.744.000 đồng (*hai tỷ sáu trăm hai mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng*).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Cao Xuân H và bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền 437.641.042 đồng (*trong đó mỗi người phải trả 218.820.521 đồng*).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Cao Xuân H có trách nhiệm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 13.917.000 đồng.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 84.594.800 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 21.000.000 đồng tạm nộp án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001725 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt, bà N còn phải nộp 63.594.880 đồng.

Ông Cao Xuân H phải chịu 84.594.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 10.733.000 đồng tạm nộp án phí theo biên lai thu số AA/2016/0011908 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 10/12/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt đã có Quyết định kháng nghị phúc thẩm bản án số 76/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt về phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu: Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán tại cấp phúc thẩm, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy

định của Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xuất phát từ việc bà Nguyễn Thị Kim N yêu cầu phân chia tài sản chung sau ly hôn với ông Cao Xuân H sau ly hôn và số nợ chung trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*chia tài sản chung sau ly hôn*” là đúng với quy định của pháp luật.

Ông Cao Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt; Áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán nợ chung; các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

[3] Xét kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 10/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt thì thấy rằng:

Theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì “...*Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản họ được chia sau khi trừ đi giá trị tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba; các đương sự phải chịu một phần án phí ngang nhau đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba theo quyết định của Tòa án*”.

Như vậy, theo quy định trên thì bà N, ông H phải chịu án phí DSST được tính toán cụ thể như sau:

Khoản tiền án phí các bên được nhận từ việc chia tài sản chung là 2.629.744.000 đồng – 218.820.521 đồng = 2.410.923.479 đồng – mức giá ngạch theo quy định 2.000.000.000 đồng x 2% + 72.000.000 đồng = 80.218.470 đồng.

Khoản tiền án phí trên số tiền các bên phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ 218.820.521 đồng x 5% = 10.941.026 đồng.

Đối chiếu với phân tích trên thì tổng tài sản chung bà N, ông H được nhận có trị giá 2.629.744.000 đồng, khoản nợ chung bà N, H có nghĩa vụ thanh toán là 218.820.521 đồng, nên phần tài sản bà N, ông H phải có nghĩa vụ chịu án phí là 2.410.923.479 đồng = 80.218.470 đồng/ người. Tổng nợ chung bà N, ông H phải chịu án phí là 10.941.026 đồng/ người. Tổng cộng bà N, ông H mỗi người phải nộp (80.218.470 đồng + 10.941.026 đồng = 91.159.496 đồng). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà N, ông H phải chịu 84.594.800 đồng/ người là không đúng theo quy định của pháp luật.

[4] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N có đơn xin miễn giảm án phí với lý do hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú. Tuy nhiên, theo quy định điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về án phí, lệ phí Tòa án thì *“Theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án thì họ có tài sản để nộp toàn bộ tiền án phí, lệ phí Tòa án mà họ phải chịu”*. Vì vậy, yêu cầu xin miễn giảm án phí của bà không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định trên, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án thành phố Đà Lạt về phần án phí là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt. Sửa bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 76/2019/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt về phần án phí.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N về tranh chấp *“chia tài sản chung sau ly hôn”* với ông Cao Xuân H.

Giao cho ông Cao Xuân H được quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số BB713025 do UBND thành phố Đà Lạt cấp ngày 04/8/2010 và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất là căn nhà, theo kết quả kiểm tra hiện trạng căn nhà có diện tích 83,31m². *(kèm theo Họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Lạt thực hiện ngày 08/02/2018)*.

Ông Cao Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền: 2.629.744.000 đồng *(hai tỷ, sáu trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm đồng)*.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Cao Xuân H và bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền 437.641.042 đồng *(bốn trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi một nghìn, không trăm bốn mươi hai đồng)*. Trong đó mỗi người phải trả 218.820.521 đồng *(hai trăm mười tám nghìn, tám trăm hai mươi triệu, năm trăm hai mươi đồng)*.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Cao Xuân H có trách nhiệm hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 13.917.000 đồng *(mười ba triệu, chín trăm mười bảy nghìn đồng)*.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu 91.159.496 đồng án phí chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ (*được trừ vào số tiền vào số tiền 21.000.000 đồng tạm nộp án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001725 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt*). Bà N còn phải nộp tiếp số tiền 70.159.496 đồng (*bảy mươi triệu, một trăm năm mươi chín ngàn, bốn trăm chín mươi sáu đồng*).

Ông Cao Xuân H phải chịu 91.159.496 đồng (*chín mươi một triệu, một trăm năm mươi chín ngàn, bốn trăm chín mươi sáu đồng*) án phí chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ.

Hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền 10.733.000 đồng (*mười triệu, bảy trăm ba mươi ba ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0011908 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSND tỉnh LD;
- TAND thành phố Đà Lạt (02);
- Phòng KTNV&THA
- Các đương sự (02);
- Lưu AV - HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Vân